

BÁO CÁO TÓM TẮT
Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vĩnh Cửu
(kèm theo Thông báo số...../UBND-KT ngày.... /.../2021 của
UBND huyện Vĩnh Cửu

I. Sự cần thiết lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vĩnh Cửu

Quy hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Quy hoạch nhằm phân bổ và khoanh vùng đất đai theo không gian sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng đơn vị hành chính trong khoảng thời gian xác định.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là một trong những căn cứ để lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (khoản 3, Điều 40) để làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (Khoản 1 Điều 52) đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và toàn tỉnh. Vì vậy, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất của mỗi địa phương và toàn tỉnh.

Quy hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Cửu thời kỳ 2011 - 2020 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 15/01/2013 và được điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 4326/QĐ-UBND ngày 01/12/2017. Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất được duyệt và nhu cầu thực tế triển khai thực hiện các dự án, công trình phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, UBND huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn đã cơ bản đáp ứng được mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện; là cơ sở quan trọng trong công tác quản lý và sử dụng đất đai; Cơ cấu sử dụng đất đã có sự chuyển dịch phù hợp với định hướng chung của huyện, đáp ứng được mục tiêu thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Tuy nhiên, Quy hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Cửu sẽ kết thúc vào cuối năm 2020; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Đồng Nai có khung hiệu lực đến hết 2020, hiện đang tiến hành lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chứng năng và theo đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thay thế cho các bản quy hoạch trước đây để phù hợp với yêu cầu và bối cảnh mới. Vì vậy, cần thiết phải lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Vĩnh Cửu đảm

bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030 liên quan đến địa bàn huyện Vĩnh Cửu, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch thì việc lập các quy hoạch theo Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan được lập đồng thời và quy hoạch nào được lập và thẩm định trước thì được quyết định và phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định và phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn.

Như vậy, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Vĩnh Cửu được lập đồng thời với lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh; Trường hợp phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh được phê duyệt mà có mâu thuẫn thì thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện cho phù hợp.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện, UBND huyện Vĩnh Cửu đã phê duyệt đề cương dự toán kinh phí và triển khai thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015;

- Luật Quy hoạch năm 2019;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 35/2018/QH14 của Quốc Hội về việc sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019.
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH14 ngày 10/05/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thành lập một số đơn vị hành chính đô thị cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước vào mục đích phi nông nghiệp;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, bảo vệ hành lang nguồn nước.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;
- Quyết định số 461/QĐ - BNV ngày 26/6/2020 của Bộ Nội Vụ về việc công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Đồng Nai đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

III. TRIỂN KHAI LẬP QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Thực hiện Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Công văn số 1792/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/4/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện khi quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt, UBND tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo triển khai lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của cấp huyện.

Trên cơ sở đó, UBND huyện Vĩnh Cửu đã triển khai và hoàn thành dự thảo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vĩnh Cửu,

Từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/10/2020, UBND huyện Vĩnh Cửu đã có Thông báo số 783/TB-UBND về việc thông báo lấy ý kiến nhân dân đối với hồ sơ lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vĩnh Cửu trên trang thông tin điện tử của tỉnh, huyện và tại trụ sở UBND huyện, UBND các xã, thị trấn Vĩnh An. UBND huyện Vĩnh Cửu đã có Văn bản số 5713/UBND-KT ngày 22/9/2020 gửi Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai để niêm yết công khai lấy ý kiến nhân dân đối với hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 15/10/2020 UBND huyện đã gửi hồ sơ để lấy ý kiến của các Sở, ngành;

Ngày 22/09/2020 UBND huyện đã tổ chức họp lấy ý kiến thành viên UBND huyện về hồ sơ quy hoạch sử dụng đất;

Ngày 19/11/2020 Thường vụ huyện ủy đã tổ chức họp để có ý kiến đối với hồ sơ quy hoạch sử dụng đất.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, UBND huyện đã hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định.

Ngày 18/12/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 148/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai trong đó có quy định liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện (Điều 1 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai). Trên cơ sở đó, UBND

huyện đã phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát lại một số quy định sửa đổi liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện nhằm đảm bảo thực hiện đúng trình tự, nội dung quy định. Qua rà soát, trình tự, nội dung, phương pháp lập quy hoạch sử dụng đất của huyện hiện nay đã được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Theo thông báo số 2955/TB-UBND ngày 23/3/2021 kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh - Cao Tiến Dũng tại buổi làm việc nghe báo cáo tình hình lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện trên địa bàn tỉnh: “lấy ý kiến nhân dân đối với nội dung phát sinh so với nội dung đã lấy ý kiến nhân dân trước đây”.

VI. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

BẢNG 01: CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KỲ QUY HOẠCH 2021-2030

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích		Phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030	
		Hiện trạng (ha)	Diện tích (ha)	So với hiện trạng (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	108.914,44	108.914,44	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	89.048,85	83.022,69	-6.026,16	76,23
1.1	Đất trồng lúa	1.554,69	842,97	-711,72	1,02
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.305,94</i>	<i>704,85</i>	<i>-601,09</i>	<i>0,85</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.200,06	1.180,70	-1.019,36	1,42
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.689,94	8.958,52	-2.731,42	10,79
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	8,48	-3,09	0,01
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.102,75	64.173,54	70,79	77,30
1.6	Đất rừng sản xuất	7.950,35	5.468,96	-2.481,39	6,59
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>2.221,47</i>	<i>2.202,46</i>	<i>-19,01</i>	<i>2,65</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.223,67	937,66	-286,01	1,13
1.8	Đất nông nghiệp khác	315,82	1.451,86	1.136,04	1,75
2	Đất phi nông nghiệp	19.865,59	25.891,75	6.026,16	23,77
2.1	Đất quốc phòng	167,50	439,04	271,54	1,70
2.2	Đất an ninh	9,87	14,51	4,64	0,06
2.3	Đất khu công nghiệp	120,96	660,80	539,84	2,55
2.4	Đất cụm công nghiệp	158,47	690,30	531,83	2,67
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	59,40	804,08	744,68	3,11

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích		Phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030	
		Hiện trạng (ha)	Diện tích (ha)	So với hiện trạng (ha)	Tỷ lệ (%)
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	325,47	518,60	193,13	2,00
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	457,71	645,43	187,72	2,49
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.777,20	3.220,62	1.443,42	12,44
	<i>Trong đó:</i>				
	- Đất giao thông	1.102,47	1.818,09	715,62	7,02
	- Đất thủy lợi	74,03	140,96	66,93	0,54
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	11,89	30,28	18,39	0,94
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	8,49	7,56	-0,93	0,23
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	84,40	154,46	70,06	4,80
	- Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	12,05	239,54	227,49	7,44
	- Đất công trình năng lượng	131,79	311,39	179,60	1,20
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,61	2,91	0,30	0,01
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	21,48	6,07	0,08
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	83,23	93,90	10,67	0,36
	- Đất cơ sở tôn giáo	30,28	45,01	14,73	0,17
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	216,51	327,06	110,55	1,26
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	-	0,14	0,14	0,00
	- Đất cơ sở dịch vụ xã hội	-	19,93	19,93	0,08
	- Đất chợ	4,04	6,54	2,50	0,03
	- Đất công trình công cộng khác	-	1,37	1,37	0,01
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,64	8,06	1,42	0,03
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	8,84	36,27	27,43	0,14
2.11	Đất ở tại nông thôn	938,19	2.632,58	1.694,39	10,17
2.12	Đất ở tại đô thị	177,54	471,12	293,58	1,82
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,49	26,78	8,29	0,10
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	15,14	27,34	12,20	0,11
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,39	12,02	-1,37	0,05

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích		Phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030	
		Hiện trạng (ha)	Diện tích (ha)	So với hiện trạng (ha)	Tỷ lệ (%)
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.718,62	1.783,80	65,18	6,89
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.892,16	13.900,40	8,24	53,69

*Lưu ý: * là chỉ tiêu quan sát không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên*

a) Đất nông nghiệp:

Hiện trạng năm 2020, diện tích đất nông nghiệp là 89.048,85 ha chiếm 81,76% diện tích tự nhiên; quy hoạch đến năm 2030 là 83.022,69 ha, giảm 6.026,16 ha so với năm 2020. Trong kỳ quy hoạch, đất nông nghiệp giảm do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp với các loại đất chủ yếu gồm: đất ở 1.950,00 ha, đất phát triển hạ tầng 1.382,95 ha, đất cụm công nghiệp 434,33 ha, đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm 257,42 ha, đất quốc phòng 265,72 ha, đất khu công nghiệp 506,79 ha,... Bên cạnh đó, trong nội bộ đất nông nghiệp cũng có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** Hiện trạng năm 2020 là 1.554,69 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 842,97 ha giảm 711,72 ha so với năm 2020.

Diện tích giảm 711,72 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp 537,85 ha để thực hiện các dự án có quy mô lớn như: Khu công nghiệp Tân An, Khu dân cư tạo vốn xã Bình Lợi, đất sản xuất phi nông nghiệp số 3 xã Thiện Tân, Mỏ đá Thiện Tân - Tân An, cụm công nghiệp Vĩnh Tân,... và chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp 173,83 ha tại một số khu vực trồng lúa 01 vụ bắp bệnh, thiếu hệ thống tưới, tiêu, chủ yếu dựa vào thời tiết, sản xuất lúa không hiệu quả nên người sử dụng đất đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang các loại cây khác như cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản,... cho hiệu quả cao hơn và phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế địa phương (trong đó chuyển đổi 149 ha đất trồng lúa sang trồng bưởi tại xã Tân Bình (65 ha) và Bình Lợi (84 ha)).

Trong đó, diện tích đất chuyên trồng lúa nước đến năm 2030 là 704,85 ha giảm 601,09 ha so với năm 2020. Diện tích giảm chủ yếu để thực hiện các dự án đã nằm trong quy hoạch được duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện, sẽ tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Đến năm 2030 đất trồng cây hàng năm khác là 1.180,70 ha, giảm 1.019,36 ha so với năm 2020. Diện tích giảm chủ yếu do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 126,66 ha, đất rừng đặc dụng 78,54 ha (cập

nhật quy hoạch chức năng rừng đặc dụng cho các đất sản xuất nông nghiệp trong Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai), đất nông nghiệp khác 66,95 ha,... và chuyển 747,21 ha sang đất phi nông nghiệp chủ yếu đất ở 321,47 ha, đất cụm công nghiệp 105,57 ha, đất phát triển hạ tầng 152,48 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Đến năm 2030, diện tích đất trồng cây lâu năm là 8.958,52 ha giảm 2.731,42 ha so với năm 2020 để thực hiện các dự án trên địa bàn huyện như: Vùng ứng dụng công nghệ sản xuất tại xã Hiếu Liêm (284 ha), Khu dân cư kết hợp du lịch sinh thái theo dự án tại Thị trấn Vĩnh An (112 ha), khu đất lợi thế trên đường ĐT 768B tại xã Tân Bình, Thạnh Phú (142,79 ha), Nghĩa trang An Viên Vĩnh Hảo (97,6 ha),.... Diện tích giảm nhiều tại các xã Tân An, Thạnh Phú, Hiếu Liêm, thị trấn Vĩnh An,.... Riêng xã Tân Bình, xã Bình Lợi tăng do chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế cao hơn.

- **Đất rừng phòng hộ:** Hiện trạng năm 2020 là 11,57 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 8,48 ha, diện tích giảm 3,09 ha so với năm 2020 để thực hiện dự án đường ống nước song hành nhà máy nước Thiện Tân và nâng cấp đường Thiện Tân chiếm dụng đất rừng phòng hộ của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai.

- **Đất rừng đặc dụng:** đến năm 2030, diện tích đất rừng đặc dụng là 64.173,54 ha, chiếm 77,30% diện tích đất nông nghiệp. Diện tích đất rừng đặc dụng tăng 70,79 ha do cập nhật quy hoạch các thửa đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng hoặc đất trồng cây không được thống kê là rừng) trong Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai sang chức năng rừng đặc dụng theo quy hoạch 03 loại rừng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 19/10/2018.

- **Đất rừng sản xuất:** Hiện trạng năm 2020 là 7.950,35 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 5.468,96 ha, diện tích giảm 2.481,39 ha so với hiện trạng năm 2020. Giảm do chuyển đất rừng sản xuất để quy hoạch các dự án lớn như: dự án nông nghiệp công nghệ cao do Công ty Cổ phần Tập đoàn Giấy Tân Mai đề xuất (459,5 ha), vùng ứng dụng công nghệ sản xuất, sân Golf tại xã Hiếu Liêm và các dự án khác. Ngoài ra, chuyển các thửa đất trồng tràm nằm rải rác ngoài dân sang trồng cây lâu năm và sang mục đích khác khi thực hiện các dự án trên địa bàn huyện. Tuy nhiên về chỉ tiêu quy hoạch vẫn được đảm bảo theo quy hoạch 3 loại rừng do bổ sung các khu vực hiện trạng đất trồng tràm tại xã Trị An và Tân An.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Hiện trạng năm 2020 là 1.223,67 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 937,66 ha, giảm 286,01 ha so với năm 2020, chủ yếu do thực hiện một số các công trình Nạo vét Rạch Đông, đường vành đai 4 - vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam tại xã Tân An, Nạo vét Suối Đá Bàn tại xã Vĩnh Tân,...

- **Đất nông nghiệp khác:** Hiện trạng năm 2020 là 315,82 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 1.451,86 ha, tăng 1.136,04 ha so với năm 2020. Trong đó:

+ Quy hoạch đất nông nghiệp khác trong các vùng phát triển chăn nuôi trên địa bàn huyện:

Theo Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND, ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc bãi bỏ một số văn bản pháp luật liên quan đến quy hoạch do UBND tỉnh Đồng Nai ban hành, trong đó có bãi bỏ Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 03/01/2008 ban hành quy định về quy hoạch xây dựng, xây dựng vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Do đó, UBND huyện đã không tiếp tục quy hoạch Vùng phát triển chăn nuôi trên địa bàn huyện (*trừ xã Trị An 103 ha, Vĩnh Tân 50 ha và dự án phát triển chăn nuôi diện tích 28 ha đã có chủ đầu tư thuộc khu vực tờ bản đồ địa chính số 43 xã Tân An được giữ nguyên quy hoạch có thể kết hợp trồng trọt trong vùng chăn nuôi*) đồng thời chỉ cập nhật các trang trại chăn nuôi đã có hiện hữu nằm trong ranh quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung trước đây.

+ Quy hoạch đất nông nghiệp khác phục vụ cho trồng trọt trên địa bàn huyện: quy hoạch đến năm 2030, trên địa bàn huyện quy hoạch 06 vùng nông nghiệp công nghệ cao/846 ha gồm: xã Bình Lợi 50 ha, xã Hiếu Liêm 284 ha, xã Phú Lý 140 ha, xã Tân An 352 ha và xã Thiện Tân 20 ha.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Tập đoàn Giấy Tân Mai đề xuất đăng ký đầu tư dự án “*chuỗi giá trị nông nghiệp công nghệ cao ngành rau củ quả định hướng thị trường quốc tế trên nền tảng Logistic*” tổng diện tích 389,96 ha trong đó diện tích sử dụng trồng nông nghiệp công nghệ cao là 311,77 ha. Việc triển khai thực hiện các dự án nông nghiệp công nghệ cao phải được các cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và thực hiện chuyên mục đích theo quy định.

b) Đất phi nông nghiệp

Hiện trạng năm 2020 là 19.865,59 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 25.891,75 ha, tăng 6.026,16 ha so với năm 2020. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** Hiện trạng năm 2020 là 167,50 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 439,04 ha, tăng 271,54 ha so với năm 2020, để thực hiện các công trình quốc phòng trên địa bàn các xã, gồm: Khu đất quốc phòng E26 (50 ha), Trường bắn BB, khu KV1 (90 ha) tại xã Tân An; công trình phòng thủ huyện (49 ha), đất quốc phòng (45 ha) tại Hiếu Liêm; công trình phòng thủ huyện (5,2 ha) tại Phú Lý; công trình phòng thủ huyện (1 ha) xã Mã Đà; công trình phòng thủ huyện (01 ha) tại ấp 2 xã Bình Lợi; công trình phòng thủ huyện (01 ha) tại xã Tân Bình; đất quốc phòng (Sư đoàn 367 hoán đổi) (1,24 ha), trụ sở làm việc dân quân thường trực khu, cụm công nghiệp (0,97 ha) tại xã Thạnh Phú; công trình phòng thủ huyện tại khu phố 8 (01 ha), công trình phòng thủ huyện tại khu phố 3 (01 ha), nhà công vụ (3 ha) tại xã Trị An; công trình quốc phòng (DA1) tại xã Thiện Tân (5,67 ha).

- **Đất an ninh:** Hiện trạng năm 2020 là 9,87 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 14,51 ha, tăng 4,64 ha so với năm 2020, do chuyển chỉ tiêu đất trụ sở cơ quan của các công an xã qua đất an ninh; đồng thời bổ sung quy hoạch đất trụ sở công an xã Bình Lợi và xã Tân Bình; mở rộng công an Vĩnh Tân, Tân An để đạt tiêu

chuẩn công an chính quy diện tích tối thiểu 0,1 ha; mở rộng trụ sở công an huyện 0,24 ha; trung tâm huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy (3 ha) tại thị trấn Vĩnh An.

- **Đất khu công nghiệp:** Hiện trạng năm 2020 là 120,96 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 660,80 ha, tăng 539,84 ha so với năm 2020. Diện tích tăng để tiếp tục thực hiện Khu công nghiệp Thạnh Phú 62,21 ha, Khu công nghiệp Sông Mây (giai đoạn 2) 52,63 ha, Khu công nghiệp hồ Mo Nang 175ha, Khu công nghiệp Tân An 250 ha.

- **Đất cụm công nghiệp:** Hiện trạng năm 2020 là 158,47 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 690,30 ha, diện tích tăng 531,83 ha so với năm 2020, do tiếp tục quy hoạch các cụm công nghiệp như: Cụm công nghiệp Tân An, Cụm công nghiệp Tân An 2, Cụm công nghiệp Tân An, Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân, Cụm công nghiệp Thiện Tân, Cụm công nghiệp Trị An, Cụm công nghiệp Vĩnh Tân; đồng thời bổ sung quy hoạch các dự án cụm Công nghiệp Tân An (giai đoạn 2) 26,18 ha, Cụm công nghiệp Vĩnh An 50 ha, Cụm công nghiệp khu vực Bình Chánh 52 ha, Cụm công nghiệp khu ấp 6 - 7 Thiện Tân 70 ha, Cụm công nghiệp khu ấp Vàm xã Thiện Tân 75 ha.

- **Đất thương mại - dịch vụ:** Hiện trạng năm 2020 là 59,40 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 804,08 ha, tăng 744,68 ha so với năm 2020. Diện tích tăng chủ yếu để quy hoạch các dự án phục vụ phát triển du lịch theo đúng tiềm năng phát triển du lịch của huyện. Trong đó: quy hoạch 750 ha đất thương mại dịch vụ phục vụ phát triển du lịch ven hồ dọc các xã Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Lý và 56 đảo nổi trên hồ Trị An; Bên cạnh đó, quy hoạch Khu du lịch sinh thái tại xã Tân An (2 điểm) 85 ha và các điểm du lịch vừa và nhỏ, các khu thương mại và các điểm kinh doanh xăng dầu trên địa bàn huyện.

Diện tích đất thương mại dịch vụ tăng chủ yếu từ các loại đất trồng đất trồng cây lâu năm 525,12 ha; đất rừng trồng sản xuất 124,50 ha; cây hàng năm 24,73 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 6,04 ha.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Hiện trạng năm 2020 là 325,47 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 518,60 ha, tăng 193,13 ha so với năm 2020. Diện tích tăng chủ yếu để quy hoạch các điểm sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện gồm: Tân An 07 điểm/132,85 ha, Thiện Tân 03 điểm/81,63 ha, Trị An 02 điểm/9,2 ha; Vĩnh Tân 02 điểm/34,97 ha; Phú Lý 01 điểm/5 ha. Ngoài ra bố trí quỹ đất sản xuất phi nông nghiệp để quy hoạch các điểm giết mổ tập trung, nhà máy xử lý nước thải, nhà kho cho các cơ sở nhỏ lẻ trên địa bàn huyện.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** Hiện trạng năm 2020 là 457,71 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 645,43 ha, tăng 187,72 ha so với năm

2020. Diện tích tăng do cập nhật quy hoạch các dự án mỏ đá Thiện Tân 8 diện tích 26,40 ha, mở rộng mỏ đá Thiện Tân 2, khu vật liệu san lấp tại xã Vĩnh Tân và Tân An theo quy hoạch khoáng sản, vật liệu xây dựng, làm đồ gốm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/01/2016.

Ngoài ra, trong giai đoạn 2021 - 2030 UBND huyện xác định đưa ra khỏi quy hoạch các dự án do nằm gần khu dân cư hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường gồm: mỏ đá Thiện Tân 6 diện tích 30 ha, mỏ đá tại xã Bình Lợi 40 ha, khu khai thác LATERIT tại xã Tân An 40,61 ha, Khu vật liệu san lấp VS 3-3 tại xã Vĩnh Tân 25,43 ha,....

- **Đất phát triển hạ tầng:** Hiện trạng năm 2020 là 1.777,20 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 3.220,62 ha, tăng 1.443,42 ha so với năm 2020. Trong đó:

+ **Đất giao thông:** Hiện trạng năm 2020 là 1.102,47 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 1.818,09 ha, tăng 715,62 ha so với năm 2020 để thực hiện các dự án như: Đường vành đai thành phố Biên Hòa, đường 768B nối dài, đường cộ Cây Xoài nối dài, đường song hành ĐT 767, đường Xuân Bắc - Thanh Sơn, đường vành đai 4, Tỉnh lộ 768B, nâng cấp mở rộng đường ĐT768, ĐT762, nâng cấp mở rộng Hương lộ 9, hương lộ 7, Hương lộ 15, đường ven Hồ Trị An, các bến tàu du lịch dọc theo sông Đồng Nai đặt tại các xã Tân Bình, Trị An, Hiếu Liêm,.... Hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn các xã.

+ **Đất thủy lợi:** Hiện trạng năm 2020 là 74,03 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 140,96 ha, tăng 66,93 ha so với năm 2020 để thực hiện các dự án như: Đường ống nước song hành nhà máy nước Thiện Tân, trạm bơm nước thô dự án xã lộ nước Long Thành - Đồng Nai, đập Sa Mách, hệ thống thoát nước từ khu vực xã Thạnh Phú đi Bình Lợi, ... Hệ thống thủy lợi, các trạm bơm, cấp nước phục vụ cho nhu cầu tưới tiêu phân bổ trên địa bàn các xã.

+ **Đất cơ sở văn hóa:** Hiện trạng năm 2020 là 11,89 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 30,28 ha, tăng 18,39 ha so với năm 2020 do quy hoạch Khu tưởng niệm sinh hoạt truyền thống công trình Thủy điện Trị An; Trung tâm văn hóa, thể thao, học tập cộng đồng, khu giải trí thiếu nhi, hồ bơi kết hợp công viên tại xã Tân An, nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng tại xã Mã Đà, khu trung tâm văn hóa huyện, trung tâm văn hóa thể thao xã Vĩnh Tân. Diện tích tăng chủ yếu lấy từ các loại đất trồng cây hàng năm 2,18 ha, đất trồng cây lâu năm 8,21 ha, đất phi nông nghiệp 4,49 ha,...

+ **Đất cơ sở y tế:** Hiện trạng năm 2020 là 8,49 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 7,56 ha, giảm 0,93 ha so với năm 2020. Giảm 0,95 ha do chuyển trạm y tế cũ xã

Thiện Tân sang trường tiểu học, dự án tái định cư tại phía sau trung tâm y tế xã Thạnh Phú. Mặt khác tăng 0,02 mở rộng trạm y tế Bình Hòa.

+ **Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:** Hiện trạng năm 2020 là 84,40 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 154,46 ha, tăng 70,06 ha so với năm 2020 để thực hiện các trường học như: trường Đại học Công nghệ Đồng Nai 3,40 ha tại xã Phú Lý, trường tiểu học Tân Phú 2,15 ha; Trung tâm dạy nghề và đào tạo sát hạnh lái xe Hải Vân tại xã Thiện Tân 3,70 ha và hệ thống các trường Trung học Cơ sở, Tiểu học, Mầm non trên địa bàn huyện. Diện tích tăng được sử dụng chủ yếu từ các mục đích đất trồng cây hàng năm 11,18 ha, đất trồng cây lâu năm 53,44 ha, đất ở 3,35 ha,....

+ **Đất cơ sở thể dục - thể thao:** Hiện trạng năm 2020 là 12,05 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 239,54 ha, tăng 227,49 ha so với năm 2020 chủ yếu sẽ thực hiện các dự án: Sân Golf tại xã Hiếu Liêm 162 ha; sân vận động; sân bóng đá huyện và các sân thể thao của các ấp trên địa bàn các xã thị trấn.

+ **Đất công trình năng lượng:** Hiện trạng năm 2020 là 131,79 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 311,39 ha, tăng 179,60 ha so với năm 2020 do bổ sung mở rộng nhà máy thủy điện Trị An, đập Cây Gáo, đập Suối Rộp, đường dây 500 KV Sông Mỹ - Tân Uyên, Điện mặt trời Trị An 1, 2; Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An -TBA Kiệm Tân và Trạm 110kV Trị An và đường dây đấu nối ... Diện tích tăng chủ yếu lấy từ các loại đất trồng cây hàng năm 16,69 ha, đất trồng cây lâu năm 97,95 ha, đất phi nông nghiệp 15,19 ha....

+ **Đất công trình bưu chính viễn thông:** Hiện trạng năm 2020 là 2,61 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 2,91 ha, tăng 0,30 ha so với năm 2020 chủ yếu sẽ thực hiện các dự án: Công trình bưu chính viễn thông tại thị trấn Vĩnh An, Bưu điện tại xã Mã Đà...

+ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** Hiện trạng năm 2020 là 15,41 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 21,48 ha, tăng 6,07 ha so với năm 2020, do quy hoạch Di chỉ khảo cổ học Suối Linh tại xã Hiếu Liêm, Di tích chiến khu Đ, di tích đình Phú Trạch xã Thạnh Phú, di tích đình Cẩm Vinh tại xã Tân Bình và di tích đình Long Chiến tại xã Bình Lợi, đình Tân Huệ tại xã Thạnh Phú, Nhà biểu trưng chiến khu Đ tại xã Mã Đà, di tích khảo cổ Đồi Phòng Không tại xã Hiếu Liêm.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Hiện trạng năm 2020 là 83,23 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 93,90 ha tăng 10,67 ha so năm 2020, do quy hoạch điểm trung chuyển rác trên địa bàn các xã thị trấn; điểm tiêu hủy gia súc, gia cầm ở các xã Tân An, Trị An, Vĩnh Tân, Hiếu Liêm, Phú Lý, thị trấn Vĩnh An. Diện tích tăng

được sử dụng chủ yếu từ các mục đích đất trồng cây lâu năm 3,80 ha, đất rừng sản xuất 6,31 ha, đất ở 0,06 ha,....

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** Hiện trạng năm 2020 là 30,28 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 45,01 ha, tăng 14,73 ha so với năm 2020. Diện tích tăng chủ yếu do thực hiện công trình tôn giáo trên địa bàn huyện như: Chi hội tin lành Phú Lý, Tu xá Thánh Đa Minh Tân Triều (thuộc dòng Đa Minh Bà Rịa) ở xã Tân Bình, Cơ sở Thanh Phú (Tin Lành)....

+ **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:** Hiện trạng năm 2020 là 216,51 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 327,06 ha, tăng 110,55 ha so với năm 2020 do thực hiện Nghĩa trang An Viên Vĩnh Hằng (mở rộng) hoặc mở rộng một số nghĩa địa nhỏ trên địa bàn các xã Hiếu Liêm, Mã Đà, Trị An....

+ **Đất cơ sở khoa học và công nghệ:** diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 0,14 ha, chủ yếu thực hiện các dự án: Trạm quan trắc động thái nước dưới đất, Trạm quan trắc môi trường nước tự động hồ Trị An, Trạm quan trắc môi trường nước tự động sông Đồng Nai,... được phân bố trên địa bàn các xã.

+ **Đất cơ sở dịch vụ xã hội:** diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 19,93 ha, chủ yếu thực hiện dự án: Trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi và người già neo đơn xã Tân An và viện dưỡng lão Hiếu Liêm.

+ **Đất chợ:** Hiện trạng năm 2020 là 4,04 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 6,54 ha, tăng 2,50 ha so với năm 2020 để thực hiện xây dựng các chợ mới như: chợ Bình Lợi, chợ Mã Đà, chợ Phú Lý...

+ **Đất công trình công cộng khác:** diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 1,37 ha, chủ yếu thực hiện dự án hàng rào điện tử chống xung đột voi tại xã Phú Lý và bổ sung đất công trình công cộng khác trên địa bàn các xã Mã Đà, TT Vĩnh An,... Diện tích tăng chủ yếu lấy từ các loại đất trồng cây hàng năm khác 0,42 ha, và đất trồng cây lâu năm 0,95 ha.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Hiện trạng năm 2020 là 6,64 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 8,06 ha, tăng 1,42 ha so với năm 2020, do quy hoạch mới hoặc mở rộng các công trình nhà văn hóa khu phố, ấp tại thị trấn Vĩnh An và các xã trên địa bàn toàn huyện.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Hiện trạng năm 2020 là 8,84 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 36,27 ha, tăng 27,43 ha so với năm 2020 do quy hoạch các công trình công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng tại các xã Tân Bình, Thiện Tân, Tân An,....

- **Đất ở tại nông thôn:** Hiện trạng năm 2020 là 938,19 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 2.632,58 tăng 1.694,39 ha so với năm 2020. Diện tích tăng để thực hiện các dự án khu dân cư, khu tái định cư, khu dân cư sinh thái theo dự án, đất ở tạo vốn và bố trí đất ở trong các khu, điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt và bố trí đất ở phát sinh phục vụ nhu cầu của nhân dân tại khu vực nông thôn. Việc thực hiện các dự án khu dân cư sẽ được triển khai khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và đảm bảo các điều kiện để triển khai theo quy định. Diện tích tăng được chuyển đổi từ các mục đích đất trồng cây hàng năm 296,82 ha, đất trồng cây lâu năm 789,06 ha, đất nuôi trồng thủy sản 66,05 ha,....

Trong đó:

- Đất ở dự án dọc đường 768B và đường vành đai TP. Biên Hòa: 265,79 ha (768B 142,79 ha, đường vành đai TP. Biên Hòa 123 ha);

- Mở rộng Khu dân cư thuộc hẻm số 3 ấp Bình Ý, xã Tân Bình: 6,89 ha;

- Đất ở phục vụ tái định cư: 12 dự án/67,47 ha, trong đó phục vụ ổn định dân cư ven hồ 04 dự án/36,2 ha và 08 dự án/31,27 ha phục vụ bố trí tái định cư khu nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn huyện (*xã Bình Lợi 0,32 ha, xã Mã Đà 6,32 ha, xã Thanh Phú 04 khu/6,53 ha, xã Thiện Tân khu/5,60 ha, Vĩnh Tân 10 ha*);

- Khu dân cư kết hợp tái định cư tại ấp Ông Hường xã Thiện Tân: 5,8 ha;

- Đất ở thuộc các dự án khu dân cư, nhà ở xã hội: 17 dự án/435,99 ha, trong đó: dự án khu dân cư có 15 dự án/435,22 ha, dự án Nhà ở xã hội của Lữ đoàn Pháo binh 75 và Lữ đoàn Tăng thiết giáp E26 tại xã Tân Bình 0,39 ha và đất ở đấu giá tại xã Thanh Phú 0,28 ha;

- Khu nhà ở công nhân chuyên gia phục vụ dự án thuộc Dự án chuỗi giá trị nông nghiệp công nghiệp cao ngành rau củ quả định hướng thị trường quốc tế trên nền tảng Logistic: 02 dự án/12,56 ha;

- Đất ở kết hợp du lịch sinh thái: 05 dự án/129,90 ha gồm: Xã Bình Lợi 80 ha, xã Mã Đà 16,26, xã Hiếu Liêm 105,9 ha, xã Thiện Tân 25 ha, Vĩnh Tân 8,64 ha.

- Còn lại là đất ở trong các điểm dân cư nông thôn được quy hoạch phục vụ nhu cầu nhà ở của người dân trên địa bàn huyện.

- **Đất ở tại đô thị:** Hiện trạng năm 2020 là 177,54 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 471,12 ha, tăng 293,58 ha so với năm 2020 do thực hiện 11 dự án/266,81 ha, trong đó có 06 Khu dân cư sinh thái theo dự án 233,39 ha, Khu nhà ở công

nhân 48,74 ha, Khu dân cư 02 dự án/56,10 ha, Khu tái định cư (sau TTHC huyện) 1,28 ha, 02 Khu dân cư kết hợp thương mại 1,61 ha và đất ở phát sinh phục vụ nhu cầu của nhân dân tại thị trấn Vĩnh An.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Hiện trạng năm 2020 là 18,49 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 26,78 ha, tăng 8,29 ha so với năm 2020, diện tích tăng do quy hoạch các trụ sở cơ quan trên địa bàn huyện như: trung tâm hành chính xã Vĩnh Tân, trạm gác dân quân, trụ sở văn phòng khối Nông nghiệp và PTNT, ngân hàng chính sách xã hội huyện Vĩnh Cửu

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Hiện trạng năm 2020 diện tích là 15,14 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 27,34 ha do bổ sung các Trạm kiểm lâm trên địa bàn các xã Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Lý, trụ sở BQL khai thác thủy lợi huyện,

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** Hiện trạng năm 2020 là 13,39 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 12,02 ha, giảm 1,37 ha do thực hiện chuyển đổi quy hoạch sang đất di tích lịch sử văn hóa 1,36 ha và đất thủy lợi 0,01 ha.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Hiện trạng năm 2020 là 1.718,62 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 1.783,80 ha, tăng 65,18 ha so với năm 2020, do thực hiện nạo vét mở rộng các suối, rạch như rạch Đông, suối Tân Trạch, suối Láng Nguyên, rạch mọi,...

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Hiện trạng năm 2020 là 13.892,16 ha, quy hoạch đến năm 2030 là 13.900,40 ha tăng 8,24 ha so với năm 2020.

V. DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYỂN MỤC ĐÍCH PHẢI XIN PHÉP TRONG KỲ QUY HOẠCH

BẢNG 02: DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI XIN PHÉP

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	6.047,00
1.1	Đất trồng lúa	537,85
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>448,08</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	747,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	3.127,08
1.4	Đất rừng phòng hộ	3,09
1.5	Đất rừng đặc dụng	20,30

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích
1.5	Đất rừng sản xuất	1.294,26
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>19,01</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	248,79
1.7	Đất nông nghiệp khác	49,41
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	1.364,06
	Trong đó:	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	153,48
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	3,30
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	1.207,28
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	108,85

1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu chuyển sang mục đích phi nông nghiệp là 6.047,00 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 537,85 ha, tập trung phần lớn ở các xã Bình Hòa (45,22 ha), Bình Lợi (54,06 ha), Tân An (260,52 ha), Thạnh Phú (26,16 ha). Trong đó đất chuyên trồng lúa nước chuyển 448,08 ha, diện tích chủ yếu thuộc xã Bình Hòa (44,88 ha), xã Bình Lợi (51,87 ha),...

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 747,21 ha chủ yếu phân bố tại các xã Thạnh Phú (176,24 ha), Thiện Tân (175,09 ha), Bình Lợi (73,15 ha), thị trấn Vĩnh An (63,68 ha),...

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 3.127,08 ha, phần lớn diện tích được sử dụng cho mục đích phát triển hạ tầng, phân bố chủ yếu tại các xã Bình Lợi (153,18 ha), Hiếu Liêm (337,27 ha), Mã Đà (369,58 ha), Phú Lý (211,87 ha), Tân An (716,90 ha),...

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp là 3,09 ha, là diện tích đường 768B nối dài và đường ống nước song hành nhà máy nước Thiện Tân tại xã Thiện Tân (3,09 ha) .

- Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất phi nông nghiệp là 20,30 ha, phần lớn diện tích đất rừng đặc dụng phục vụ cho mục đích xây dựng các trạm kiểm lâm, đường ven hồ Trị An..., diện tích sử dụng chủ yếu tại các xã Hiếu Liêm (0,90 ha), Phú Lý (1,42 ha), Mã Đà (17,98 ha).

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 1.294,26 ha, chủ yếu tại xã Tân An (419,19 ha), Hiếu Liêm (304,91 ha), Mã Đà (123,79 ha),....

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 248,79 ha, phân bố đều tại các xã trên địa bàn huyện.

- Đất nông nghiệp khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 49,41 ha, diện tích được sử dụng chủ yếu tại các xã Tân An (29,90 ha), Mã Đà (7,27 ha),...

2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu trong kỳ quy hoạch là 1.364,06 ha phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện. Phần lớn là đất rừng sản xuất của các hộ gia đình, cá nhân và không nằm trong ranh giới quy hoạch 3 loại rừng.

3. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở

Trong kỳ quy hoạch có 108,85 ha đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở, tại các xã Vĩnh Tân (57,26 ha), Thạnh Phú (8,02 ha), thị trấn Vĩnh An (11,15 ha).... Toàn bộ diện tích là đất phát triển hạ tầng.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tóm tắt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vĩnh Cửu./.

